TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂN UYÊN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2024/HNGĐ-ST
Ngày 26-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thảo;

2. Ông Tống Văn Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Thế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2024 về việc Tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 84/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ A, ấp Đ, xã B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quang V, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ A, ấp Đ, xã B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 7 năm 2024 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Quang V có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 03 năm thì tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương vào ngày 24/7/2006. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sinh sống và làm việc tại địa bàn thành phố T, tỉnh Bình Dương đến nay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mâu thuẫn kéo dài dẫn đến việc bà A

không còn tình cảm và không còn muốn chung sống với ông V nên yêu cầu Toà án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung, cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 20/01/2007 và cháu Nguyễn Thanh L, sinh ngày 21/11/2016. Sau ly hôn, bà Nguyễn Thị A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thanh L, giao cháu Nguyễn Thị Thanh N cho ông Nguyễn Quang V nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Quang V không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 07 tháng 8 năm 2024, lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn ông Nguyễn Quang V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất như trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị A về thời gian tìm hiểu, thời gian đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, mâu thuẫn vợ chồng. Ông V xác định mâu thuẫn vợ chồng không lớn, mong muốn vợ chồng được đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc các con, xây dựng gia đình. Trường hợp bà A vẫn giữ yêu cầu ly hôn thì ông V đồng ý ly hôn bà A.

Về con chung: Thống nhất như trình bày của bà Nguyễn Thị A. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung, cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 20/01/2007 và cháu Nguyễn Thanh L, sinh ngày 21/11/2016. Ông V không đồng ý ly hôn nhưng trường hợp Toà án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì ông V đồng ý theo yêu cầu của bà A. Ông Vũ n cháu N và bà A nuôi cháu L. Ông V và bà A không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về hôn nhân, bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Quang V có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống không hạnh phúc do mâu thuẫn kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở chấp nhận. Về con chung đề nghị giao hai con chung cho bà Nguyễn Thị A nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Quang V là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T (nay là thành phố T) vào năm 2006, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 24/7/2006

nên quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Quang V là hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị A xác định cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, không tin tưởng nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông V không chăm lo cho vợ con dẫn đến việc bà A không còn tình cảm và không muốn sống chung với ông V. Bản thân ông V cũng xác định vợ chồng có mâu thuẫn, mong muốn được đoàn tụ nhưng không có biện pháp để hoà giải mâu thuẫn. Mặt khác, ông V có yêu cầu giải quyết vắng mặt, điều này chứng tỏ bị đơn không muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua đó thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng của bà A đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Nguyễn Thị A yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Ông Nguyễn Quang V mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng trường hợp Toà án giải quyết cho hai vợ chồng ly hôn thì ông V đồng ý giao cháu Nguyễn Thanh L cho bà Nguyễn Thị A nuôi dưỡng, ông Nguyễn Quang V nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị Thanh N. Tại biên bản lấy lời khai, cháu Nguyễn Thị Thanh N và cháu Nguyễn Thành L1 đều có nguyện vọng được sống cùng với bà A. Xét việc giao hai con chung cho bà Nguyễn Thị A nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của con chung, đảm bảo quyền lợi của các cháu và phù hợp quy định của pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về quan điểm giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Quang V (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T (nay là thành phố T), tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/7/2006).

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Thanh N, sinh ngày 20/01/2007 và cháu Nguyễn Thanh L, sinh ngày 21/11/2016 cho bà Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Quang V đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000276 ngày 31/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- CCTHADS thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Quyết